

Số: /CV-TH&THCS

Sốp Cộp, ngày 13 tháng 8 năm 2025

V/v thực hiện chế độ Nghị định số
66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của
Chính phủ

Kính gửi: Hội cha mẹ học sinh, các tổ, bộ phận, GVCN các lớp

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Công văn số 1623/SGDDĐT-KHTC ngày 10/07/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La về việc thực hiện chế độ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ

Căn cứ Công văn số 1767/SGDDĐT-KHTC ngày 28/07/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La về việc đơn đốc báo cáo kết quả việc tiếp nhận, sử dụng, cấp phát gạo năm học 2024-2025 và kế hoạch về nhu cầu hỗ trợ gạo năm học 2025-2026;

Thực hiện Công văn số 254/UBND-VHXX ngày 05/8/2025 của UBND xã Sốp Cộp về việc thực hiện chế độ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ;

Trường Tiểu học và THCS Sốp Cộp đề nghị các tổ, bộ phận, giáo viên tuyên truyền, thực hiện chế độ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu, các tổ, bộ phận, giáo viên chủ nhiệm các lớp quán triệt, triển khai kịp thời, đầy đủ nội dung Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ (*Nghị định số 66/2025/NĐ-CP*); theo chức năng nhiệm vụ được giao, chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên trong việc triển khai thực hiện, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, phụ huynh học sinh. Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng, phòng, ban, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội của xã, nhà trường tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện.

- Trước ngày 14/8 hằng năm thực hiện xong việc phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho bố, mẹ (*hoặc người giám hộ hợp pháp*) và học sinh (*bao gồm cả học sinh đầu cấp*) thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP;

Thực hiện xong việc tiếp nhận, thu nộp hồ sơ **trước ngày 20/8 hằng năm về trường và trước ngày 25/8 hằng năm**; hoàn thành việc xét duyệt và lập hồ sơ theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP gửi về UBND xã

Sốp Cộp **chậm nhất trước ngày 02/9** hàng năm để tổng hợp, phê duyệt theo quy định.

2. GVCN các lớp chủ nhiệm chủ động rà soát, bổ sung và lập danh sách học sinh, đủ điều kiện thụ hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (*Điểm a, khoản 2, Điều 4*) và các văn bản có liên quan, căn cứ Đơn đề nghị hưởng chính sách của học sinh và gia đình học sinh để tổng hợp, báo cáo, đề xuất nhà trường xét và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau hợp xét, nhà trường lập dự toán trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí để thực hiện chi trả theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP cho các đối tượng thụ hưởng **tính từ ngày 01/01/2025** (bao gồm cả truy lĩnh).

3. Xác định học sinh ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thực hiện theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc, Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban dân tộc. Việc xác định đối với xã, thôn/bản hình thành sau sắp xếp để thực hiện chế độ, chính sách thực hiện theo Công văn số 1303/UBND-CSĐT ngày 27/7/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với cấp xã, thôn hình thành sau sắp xếp trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và Công văn số 296/BDTTG-CS ngày 10/4/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với đơn vị hành chính cấp xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại.

4. Nhà trường lập dự toán, thanh toán, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tổ chức chi trả kịp thời các chế độ cho đối tượng thụ hưởng. Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả, đúng chế độ, công khai, minh bạch.

5. Thực hiện quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo chế độ kế toán, tổng hợp vào báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán hàng năm và công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách nhằm ngăn ngừa thiếu sót, sai phạm; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của các cấp quản lý. Thực hiện đảm bảo lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định.

II. ĐỐI VỚI NỘI DUNG THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP NGÀY 12/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2024-2025

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ được quy định tại điểm g khoản 3 Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh: “*Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ nhà trẻ có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại trường mầm non công lập của tỉnh: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ theo thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học*”. Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh được ban hành ngày 03/9/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 15/9/2020 quy định hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ là đối tượng chưa được

quy định tại Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non và Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.

Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12/3/2025 và có hiệu thi hành từ ngày 01/5/2025, các chính sách quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP được thực hiện từ năm 2025. Tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định: “*Trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị định này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó*”.

Căn cứ vào các quy định trên, trẻ em nhà trẻ đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1 điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP được hỗ trợ 360.000 đồng/trẻ/tháng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học (*quy định tại khoản 1 điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP*). **Không được được hỗ trợ tiền ăn trưa theo Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND** (160.000 đồng/ tháng).

2. Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ ban hành ngày 28/8/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 07/9/2023; Nghị quyết số 92/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/2023/NQ-HĐND ngày 28/8/2023 của HĐND tỉnh quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ ban hành ngày 29/8/2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 08/9/2024. Hiện nay, HĐND tỉnh chưa bãi bỏ 02 Nghị quyết này, cả 02 Nghị quyết này vẫn còn hiệu lực thực hiện. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP. Thực hiện điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP, ngày 05/5/2025 Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số 987/SGDDT-KHTC về việc rà soát khoảng cách và địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ, **UBND tỉnh sẽ ban hành Quyết định** quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để có cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

3. Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12/3/2025 và có hiệu thi hành từ ngày 01/5/2025, các chính sách quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP được thực hiện từ năm 2025. Việc xác định học sinh, học viên ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thực hiện theo hướng dẫn tại mục 3 phần I nêu trên. Các cơ sở giáo dục thực hiện chi trả theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP cho các đối tượng thụ hưởng tính từ ngày 01/01/2025 (*bao gồm cả truy lĩnh*).

- Các GVCN chủ động rà soát, đối tượng thụ hưởng để nhà trường lập chế độ chi trả theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP tính từ ngày 01/01/2025;
- Thời gian hưởng chính sách và mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP cho các đối tượng thụ hưởng tính từ ngày **01/01/2025**.

III. TỔ CHỨC XÉT DUYỆT

1. Nhà trường Thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ; tổ chức xét duyệt từng hồ sơ đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ chính sách, không bỏ sót đối tượng; lập biên bản tổ chức xét duyệt, biên bản cần ghi rõ số lượng học sinh bán trú đã có hồ sơ hưởng chính sách được lưu giữ từ năm học trước, số lượng học sinh xét duyệt năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026; trình phê duyệt (*theo biểu mẫu gửi kèm*). Thời gian gửi hồ sơ và họp xét đề nghị phê duyệt học sinh hưởng chính sách bán trú nhà trường trước ngày 20/8 và gửi hồ sơ về UBND xã trước ngày **02/09/2025**.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

2.1. Đối với nhà trường

- Tờ trình kèm theo Danh sách đề nghị phê duyệt.
- Dự toán kinh phí, đề nghị bổ sung kinh phí chi trả chế độ theo số lượng đối tượng đề nghị phê duyệt.

2.2. Đối với các giáo viên chủ nhiệm có học sinh bán trú

- Hồ sơ nộp về trường bao gồm:

(1) Đơn đề nghị hưởng chính sách học sinh bán trú (*theo Mẫu số 04, kèm theo, trên Đơn ghi rõ và cam kết các thông tin chính xác, trung thực*).

(2) Danh sách học sinh thụ hưởng (*Theo mẫu số 06 tại Nghị định 66/2025/NĐ-CP, kèm theo*). Danh sách đề nghị chính sách năm học 2024-2025 và năm học 2025-2026 gửi về nhà trường qua Tổ chuyên môn trước ngày 20/8/2025.

(3) Trường hợp học sinh thuộc hộ nghèo phải nộp bản chụp kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Đề nghị các đoàn thể, giáo viên chủ nhiệm tuyên truyền, quán triệt, triển khai tới phụ huynh học sinh, thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Hội CMHS;
- Website trường;
- Các tổ, bộ phận, giáo viên;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Trọng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ
(Dùng cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông)

Kính gửi: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sốp Cộp

Họ và tên cha/mẹ/người giám hộ

Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước/chứng minh nhân dân:

Họ và tên học sinh:

Số định danh cá nhân/căn cước công dân/căn cước/:

Thuộc hộ nghèo ☐ (đánh dấu X vào ô vuông nếu thuộc hộ nghèo).

Năm học; là học sinh lớp:....., Trường

Vì lý do (chọn 1 trong 2 lý do sau):

- Nhà ở xa trường không thể đến trường và trở về nhà trong ngày (ghi rõ cách nơi học tập bao nhiêu km):.....

- Địa hình giao thông khó khăn: ☐

Nên em phải ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập.

Vì vậy, em làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét cho em được hưởng chính sách học sinh bán trú theo quy định tại Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày.....tháng năm 2025 của Chính phủ, gồm:

1. Tiền ăn ☐
2. Tiền nhà ở (đối với trường hợp học sinh phải tự lo chỗ ở) ☐
3. Gạo: ☐

....., ngày..... tháng.....năm

Người làm đơn

(Học sinh hoặc cha/mẹ/người giám hộ của học sinh khai ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

UBND XÃ SÓP CỘP
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ SÓP CỘP

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÀN TRÚ
Lớp.....

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/ năm (kg)	Ghi chú
	Tổng cộng									

....., ngày..... tháng.....năm

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)